

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH AN GIANG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2020/DS-PT

Ngày: 16/ 01 /2020

“*V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dự – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2019/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DS-ST ngày 13/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố LX. tỉnh An Giang bị ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Kim E là bị đơn kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2019;

Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2019/QĐ-PT ngày 23/4/2019;

Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 171/2019/QĐ-PT ngày 21/5/2019;

Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 14/2019/QĐPT-DS ngày 24/6/2019

Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 112/2019/QĐPT-DS ngày 29/10/2019; giữa các đương sự:

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207//2019/QĐ-PT ngày 28/11/2019

Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2019/QĐ-PT ngày 19/12/2019.

Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 156/2019/QĐ-PT ngày 31/12/2019.

Giữa:

-*Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 10/15, khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1967 - Vắng mặt

Địa chỉ: Số 549/16, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn Ng: Ông Phan Hòa Nh, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 20/10A, khóm Đông Thạnh A, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, là đại diện theo ủy quyền (*Theo văn bản ủy quyền ngày 27/10/2017*)- Có mặt.

2. Bà Phạm Kim E, sinh năm 1970. (Chết ngày 24/12/2018, Trích lục khai tử số 42/TLKT-BS ngày 14/01/2019)

Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà E gồm:

2.1. Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1967 – Vắng mặt;

2.2. Chị Nguyễn Thị Q, sinh ngày 14/5/1993 – Vắng mặt;

2.3. Chị Nguyễn Thị Mộng Th, sinh ngày 22/7/1995 – Có mặt;

2.4. Cháu Nguyễn Thị Kim Ng1, sinh ngày 30/8/2001 – Vắng mặt;

2.5. Cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 25/8/2009- (do ông Ng là người giám hộ) - Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số 549/16, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lê Thị Bích Đ, sinh năm 1978.

2. Ông Đoàn Tự Tr, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 14/L4, Lê Văn Lương, khóm Đông Thịnh 9, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Cùng vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của bà Đ, ông Tr: Ông Huỳnh Thảo L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 119/2, tổ 11, đường Bùi Văn Danh, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, là đại diện theo ủy quyền (*Theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2018*) -Vắng mặt

3. Bà Huỳnh Thị Mỹ L1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 57, đường Kim Đồng, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang - Có yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

4. Văn phòng công chứng H G (Công ty hợp danh).

Địa chỉ: Số 31B, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện bà H gửi đến Tòa án ngày 19/9/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Qua sự giới thiệu của ông Sỹ (tên đầy đủ là Nguyễn Hữu T, sinh năm 1963, địa chỉ 2J2, khóm Đông Thành, phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, đã chết theo bản sao giấy chứng tử số 63/ĐX, quyển 01/2015, ngày 01/12/2015) ông Nguyễn Văn Ng, bà Phạm Kim E xác lập hợp đồng vay vốn của bà Huỳnh Thị H. Ngày 22/5/2015 hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được Văn phòng công chứng H G chứng nhận, số tiền chuyển nhượng là 300.000.000 đồng nhưng thực tế đây là hợp đồng vay tiền có lãi, số tiền vay là 300.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng và giao tiền vay thì bà H viết biên nhận cùng ngày 22/5/2015 cho ông Ng, bà E giữ với nội dung cam kết “Tôi cam kết nếu anh Ng đóng lãi đầy đủ, tôi sẽ gia hạn 06 tháng, tôi cam kết không không sang tên, lãi suất 3%”, biên nhận này do bà H ký tên và giao bản chính biên nhận ông Ng, bà E giữ. Ông Ng, bà E giao bản chính hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04965 và CH04966 ngày 21/12/2012 do UBND thành phố Long Xuyên cấp. Sau đó bà Huỳnh Thị Mỹ L1 là cháu ruột của ông Ng, bà mượn hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đem thế chấp vay của của ông Đoàn Tự Tr và bà Lê Thị Bích Đ với số tiền 150.000.000 đồng. Bà H không biết bà L1 là ai, bà L1 không có tài sản nên bà H cũng không cho vay, chỉ cho ông Ng, bà E vay thì bà H mới cho, vì ông Ng và bà E là người có tài sản đảm bảo.

Sau khi nhận tiền vay ông Ng, bà E không trả lãi, cũng không trả vốn như thỏa thuận của biên nhận với thời hạn vay 06 tháng (sau khi hết 06 tháng ông Ng, bà E xin gia hạn miệng thêm 06 tháng). Bà L1 cũng không trả tiền cho ông Tr, bà Đ để trả lại cho bà giữ bản chính hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Hồng kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/5/2015 được Văn phòng công chứng HG chứng nhận là vô hiệu do giả tạo, hợp đồng này che dấu hợp đồng vay. Ông Ng, bà E có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền 300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật; bà trả lại ông Ng, bà E bản chính hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H rút lại không tranh chấp về lãi suất. Đề nghị Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi.

Bà H yêu cầu tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 20/2017/QĐ-BPKCTT ngày 08/12/2017 để đảm bảo thi hành án khoản tiền 300.000.000 đồng mà ông Ng, bà E có trách nhiệm trả cho bà.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Tr, bà Đ tại phiên tòa sơ thẩm ông Tr, bà Đ rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập bà H thống nhất.

Đối với biên nhận mặt sau biên nhận do bà H ký cùng ngày 22/5/2015 có nội dung “Tôi tên Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1967 có cho Huỳnh Thị Mỹ L1, sinh năm 1984 mượn hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp cho Huỳnh Thị H, trong thời gian 06 tháng, tôi Huỳnh Thị Mỹ L1 hứa sẽ chuộc lại cho Nguyễn Văn Ng” biên nhận này do ông Ng và bà L tự ý ký tên. Mặc dù, biên nhận này và biên nhận do bà ký cùng một tờ giấy nhưng hai mặt khác nhau, bà không biết về biên nhận này, khi bà ký thì biên nhận chưa được viết mặt sau.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ng bà Phạm Kim E và người đại diện hợp pháp của ông bà trình bày:

Ông, bà yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/5/2015 được Văn phòng công chứng H G chứng nhận là vô hiệu do giả tạo, che dấu hợp đồng vay. Ông bà yêu cầu bà H trả lại bản chính hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trách nhiệm trả số tiền vay 300.000.000 đồng là của bà L1 vì bà L1 là người nhận tiền của bà H. Ông bà không nhận nên không đồng ý trả. Tại phiên tòa yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trả lại bản chính hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Tự Tr và bà Lê Thị Bích Đ và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông bà có yêu cầu độc lập, yêu cầu bà H có trách nhiệm trả số tiền vay 150.000.000 đồng, ông bà sẽ trả lại bản chính hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Ng, bà E.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Tr và bà Đ do ông Huỳnh Thảo L đại diện theo ủy quyền rút lại yêu cầu độc lập, không yêu cầu giải quyết, yêu cầu đình chỉ yêu cầu độc lập này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Mỹ L1 vắng mặt nhưng tại “Biên bản lấy lời khai của đương sự” ngày 27/7/2018 bà L có ý kiến :

Bà nhận tiền vay của bà H với số tiền 300.000.000 đồng nên bà có trách nhiệm trả cho bà H. Tuy nhiên, quá trình vay bà đã trả vốn và lãi cho bà H nhưng chứng cứ chứng minh đã trả vốn và lãi bà không cung cấp được; đồng thời xin vắng mặt trong quá trình tố tụng và không tham gia xét xử vụ án (BL 185).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng H G không có văn bản trình bày ý kiến..

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DSST ngày 13/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh A G quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 129; Điều 134; Điều 137; Điều 471; Điều 473; Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 167 Luật đất đai 2013;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập giữa bà Huỳnh Thị H với ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Kim E được Văn phòng công chứng H G chứng nhận (số công chứng 172, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 22 tháng 5 năm 2015) là vô hiệu do giả tạo.

Buộc ông Nguyễn Văn Ng, bà Phạm Kim E có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng);

[2] Buộc ông Đoàn Tự Tr và bà Lê Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Ng, bà Phạm Kim E bản chính hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04965 và CH04966 ngày 21/12/2012 do UBND thành phố Long Xuyên cấp mang tên ông Nguyễn Văn Ng, bà Phạm Kim E.

[3] Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” số 20/2017/QĐ-BPKCTT ngày 08/12/2017 để đảm bảo thi hành án khoản tiền 300.000.000 đồng mà ông Ng, bà E có trách nhiệm hoàn trả nêu trên.

Tài sản phong tỏa gồm:

1/ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04966 do UBND thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 21 tháng 12 năm 2012 mang tên ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Kim E (*thửa đất số 350, tờ bản đồ 21, diện tích 47,8 m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị 35,0 m², đất trồng cây lâu năm 12,8 m², địa chỉ thuộc phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên*).

2/ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04965 do UBND thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 21 tháng 12 năm 2012 mang tên ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Kim E (*thửa đất số 349, tờ bản đồ 21, diện tích 114,2 m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị 35,0 m², đất trồng cây lâu năm 79,2 m², địa chỉ thuộc phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên*).

[4] Bà Huỳnh Thị H được nhận lại số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP Đông Á – chi nhánh An Giang theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 17/2017/QĐ-BPBD ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi phát sinh từ số tiền vốn vay 300.000.000 đồng của bà Huỳnh Thị H.

[6] Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của của ông Đoàn Tự Tr và bà Lê Thị Kim Đ về việc yêu cầu bà H trả số tiền 150.000.000 đồng.

[7] Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Ông Ng, bà E phải nộp 15.000.000 đ (mười lăm triệu đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông Tr, bà Đ được nhận lại 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005082 ngày 13/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà H được nhận lại 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018654 ngày 09/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ chậm thi hành án

Ngày 19/12/2018, ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Kim E kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trả lại hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Ng, bà E đã ký chuyển nhượng giả tạo cho bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Ông Phan Hòa Nh là người đại diện cho ông Nguyễn Văn Ng, chị Th là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Kim E vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Ông Nh và chị Th cùng trình bày: Mặc dù ông Ng, bà E có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm bảo đảm cho hợp đồng vay tiền với bà H, nhưng ông Ng, bà E không nhận tiền từ bà H mà người trực tiếp nhận tiền là bà L1, nên yêu cầu buộc bà L1 cùng có trách nhiệm liên đới với ông Ng và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Kim E có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu). Ông Nh cung cấp bổ sung chứng cứ gồm 01 (một) USB có nội dung ghi âm cuộc trao đổi qua điện thoại giữa bà H với bà E

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về thủ tục kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Ng, bà Phạm Kim E kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý vụ án là phù hợp Điều 285 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự

- Về đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của ông Ng và bà E. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DS-ST ngày 13/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên: Buộc ông Nguyễn Văn Ng, chị Nguyễn Thị Qu, chị Nguyễn Thị Mộng

Th, chị Nguyễn Thị Kim Ng1 có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 15.000.000 đồng (mười lăm triệu), án phí phúc thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Bản án sơ thẩm tuyên ngày 13/12/2018, đến ngày 19/12/2018 ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Kim E kháng cáo là trong hạn luật định, và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bà Phạm Kim E là bị đơn cũng là người kháng cáo chết, nên Tòa án đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà E vào tham gia tố tụng theo Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn Ng vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp ông Phan Hòa Nh là người đại diện theo ủy quyền có mặt; kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn bà Phạm Kim E là ông Nguyễn Văn Ng, chị Nguyễn Thị Qu, cháu Nguyễn Thị Kim Ng1, cháu Nguyễn Văn T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Tự Tr, bà Lê Thị Bích Đ; Văn phòng Công chứng H G được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Mỹ L1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên.

[4]. Về nội dung kháng cáo: Ông Phan Hòa Nh và chị Th cho rằng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập giữa ông Ng, bà E với bà H ngày 22/5/2015 được Văn phòng công chứng H G chứng nhận là giả tạo, che dấu hợp đồng vay tài sản, nên yêu cầu tuyên bố vô hiệu. Tuy nhiên đối với hợp đồng vay tài sản là do bà Huỳnh Thị Mỹ L1 xác lập với bà H, đồng thời bà L1 là người trực tiếp nhận tiền nên buộc bà L1 phải có trách nhiệm liên đới cùng với ông Ng và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà E trả cho bà H số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và trả lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

[5]. Xét yêu cầu kháng cáo

Các đương sự cùng thừa nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập giữa ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Kim E với bà Huỳnh Thị H ngày 22/5/2015 được công chứng tại Văn phòng công chứng H G với giá 300.000.000 đồng là giả tạo, để bảo đảm cho khoản tiền vay sản và cùng có yêu cầu tuyên bố vô hiệu, do vậy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng quyền sử dụng đất là giả tạo nên bị vô hiệu, tuy nhiên hợp đồng vay tài sản giữa các bên vẫn có hiệu lực.

Theo bà cho rằng chỉ xác lập hợp đồng vay tiền với ông Ng và bà E nên yêu cầu ông Ng và bà E phải trả tiền.

Ông Nh và chị Th cho rằng tuy hợp đồng vay do ông Ng, bà E với bà H xác lập, nhưng do bà L1 là người trực tiếp nhận tiền của bà H, nên bà L1 phải có trách nhiệm liên đới cùng với ông Ng, bà E trả số tiền trên cho bà H.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

- Lời khai của ông Ng và bà L1 xác nhận ông Ng, bà E ký hợp đồng vay với bà H tại Văn phòng công chứng H G, bởi theo bà L1 thì bà H chỉ cho ông Ng, bà E vay tiền vì ông Ng, bà E có tài sản là quyền sử dụng đất, còn bà Linh không có tài sản đảm bảo.

- Biên nhận ngày 22/5/2015 do ông Ng cung cấp thể hiện nội dung bà H cam kết: “Tôi cam kết nếu anh Ng đóng lãi đầy đủ, tôi sẽ gia hạn 06 tháng, tôi cam kết không sang tên, lãi suất 3%” (BL 115).

- Biên bản lấy lời khai ngày 27/9/2018 bà Huỳnh Thị Mỹ L1 khai: “Người đưa tiền là bà H, bà H đưa ông T môi giới, ông T đưa lại cho Ngào, Em. Tôi là người đến Văn phòng công chứng sau, khi tôi đến thì hợp đồng đã ký, tiền bà H đã giao, tôi đến thì ông Ng và bà E đưa tiền cho tôi” (BL 192).

- Đối với mặt sau biên nhận ngày 22/5/2015 có nội dung: “Tôi tên Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1967 có cho Huỳnh Thị Mỹ L1, sinh năm 1984 mượn hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong thời hạn 06 tháng, tôi Huỳnh Thị Mỹ L1 hứa chuộc lại cho Nguyễn Văn Ng” (BL115). Biên nhận này do ông Ng và bà L tự viết và ký không có bà H tham gia, không chứng kiến và không biết.

Từ đó có đủ cơ sở để xác định hợp đồng vay tài sản là do bà Hg với ông Ng, bà E xác lập và chính ông Ng, Bà E là người trực tiếp nhận tiền của bà H, chứ không có việc bà H với bà L1 là người xác lập hợp đồng vay và bà L1 là người nhận tiền từ bà H như ông Ng, bà E khai nại. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông Ng, bà E phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên đương sự, vì vậy các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Bị đơn trả tiền cho nguyên đơn, nguyên đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bị đơn, bà H đã cho bà L1 mượn lại để thế chấp vay tiền của ông Tr, bà Đ số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), các bên thỏa thuận không được sự đồng ý của ông Ng, bà E, trái với quy định của pháp luật. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Tr, bà Đ phải trả lại hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ng, bà E là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có Quyết định số 20 ngày 08/12/2018 để phong tỏa quyền sử dụng đất số CH04965 và CH04966 của ông Ng, bà E theo yêu cầu của nguyên đơn để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, tòa án sơ thẩm tiếp tục duy trì biện pháp phong tỏa tài sản theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên và trả lại cho bà H số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu) buộc thực hiện biện pháp bảo đảm là có cơ sở.

Ông Nhcung cấp một USB ghi âm cuộc trao đổi qua điện thoại giữa bà H với bà E, nhưng nội dung cuộc đối thoại cũng không có cơ sở chứng minh cho yêu cầu kháng cáo.

[5]. Ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Kim E kháng cáo, nhưng không có chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở xem xét.

[6]. Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận

[7]. Từ nhận định nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Kim E. Tuy nhiên trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bị đơn cũng là người kháng cáo bà Phạm Kim E chết, Tòa án đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà E tham gia tố tụng, chính vì vậy cần phải sửa Bản án sơ thẩm về cách tuyên án: Buộc ông Nguyễn Văn Ng, chị Nguyễn Thị Qu, chị Nguyễn Thị Mộng Th, chị Nguyễn Thị Kim Ng1 và cháu Nguyễn Văn T (do ông Nguyễn Văn Ng là người giám hộ) có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Hồ số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

[8]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Ng, Bà E không được chấp nhận. Tuy nhiên do sửa Bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Kim E không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 148; Khoản 2 Điều 228; Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ng và bà Nguyễn Thị Kim E; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DS-ST ngày 13/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên về cách tuyên án:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập giữa bà Huỳnh Thị H với ông Nguyễn Văn Ng và bà Nguyễn Thị Kim E được Văn phòng công chứng H g chứng nhận (số công chứng 172, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 22 tháng 5 năm 2015) là vô hiệu do giả tạo.

Buộc ông Nguyễn Văn Ng, chị Nguyễn Thị Qu, chị Nguyễn Thị Mộng Th, chị Nguyễn Thị Kim Ng1 và cháu Nguyễn Văn T (do ông Nguyễn Văn Ng là người giám hộ) có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng).

[2]. Buộc ông Đoàn Tự Tr và bà Lê Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Ng, chị Nguyễn Thị Qu, chị Nguyễn Thị Mộng Th, chị Nguyễn Thị Kim Ng1 và cháu Nguyễn Văn T (do ông Nguyễn Văn Ng là người giám hộ) 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04965 và CH04966, ngày 21/12/2012 do UBND thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang cấp mang tên ông Nguyễn Văn Ng, bà Phạm Kim E.

[3] Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” số 20/2017/QĐ-BPKCTT ngày 08/12/2017 để đảm bảo thi hành án khoản tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) mà ông Ng, chị Nguyễn Thị Qu, chị Nguyễn Thị Mộng Th, chị Nguyễn Thị Kim Ng1 và cháu Nguyễn Văn T (do ông Nguyễn Văn Ng là người giám hộ) có trách nhiệm hoàn trả nêu trên.

Tài sản phong tỏa gồm:

1/ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04966 do UBND thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 21 tháng 12 năm 2012 mang tên ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Kim E (*thửa đất số 350, tờ bản đồ 21, diện tích 47,8 m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị 35,0 m², đất trồng cây lâu năm 12,8 m², địa chỉ thuộc phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên*).

2/ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04965 do UBND thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 21 tháng 12 năm 2012 mang tên ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Kim E (*thửa đất số 349, tờ bản*

đồ 21, diện tích 114,2 m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị 35,0 m², đất trồng cây lâu năm 79,2 m², địa chỉ thuộc phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên).

[4] Bà Huỳnh Thị H được nhận lại số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP Đông Á – chi nhánh An Giang theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 17/2017/QĐ-BPBD ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Ng, chị Nguyễn Thị Qu, chị Nguyễn Thị Mộng Th, chị Nguyễn Thị Kim Ng1 và cháu Nguyễn Văn T (do ông Nguyễn Văn Ng là người giám hộ) phải nộp 15.000.000 đ (mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

-Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Ng, chị Nguyễn Thị Qu, chị Nguyễn Thị Mộng Th, chị Nguyễn Thị Kim Ng1, cháu Nguyễn Văn T (do ông Nguyễn Văn Ng là người giám hộ) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nên được nhận lại số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010768 và số 0010770 ngày 25/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Tp Long Xuyên;
- TAND Tp Long Xuyên;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Chi cục THADSTp Long Xuyên;
- Phòng KTNV&THA;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Văn Thiện